

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2018/HC-ST

Ngày: 06/12/2018

V/v: *Khiếu kiện QĐ giải quyết khiếu nại
liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ
trợ khi nhà nước thu hồi đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu H**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Khuất Văn S

Bà Nguyễn Vũ Thị Tuyết M

Thư ký phiên tòa: Bà Chử Thị Bích L - Thẩm tra viên Tòa án ND TP H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Thành V - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2017/TLST-HC ngày 12 tháng 01 năm 2017 về việc khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại số 5375/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của Chủ tịch UBND TP H theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2018/QĐXXST-HC ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1961

Nơi cư trú: Số nhà 14 ngõ 44 phố Hoàng Văn T, thị trấn V, huyện U, thành phố H,

- Có mặt tại phiên tòa.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H

Địa chỉ trụ sở: Số 79A Đinh Tiên H, quận H, TP H

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quốc H

Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố H

(Theo giấy ủy quyền số 08 ngày 10/2/2017) - Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện U, thành phố H.

Địa chỉ trụ sở: xã Liên Bạt, huyện U, thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị V

Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện U, thành phố H

Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1965

3. Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1988

4. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991

5. Chị Bùi Thị D, sinh năm 1992

Cùng trú tại: Số nhà 35, xóm 7, TT V, huyện U, thành phố H

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2015, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 25/9/2016 và các bản khai tiếp theo tại Tòa án, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Năm 1994, hộ gia đình ông được giao 2956,8m² đất nông nghiệp tại thôn V và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999, gia đình ông vẫn sử dụng đất để canh tác và không tranh chấp với ai. Ngày 17/01/2007, UBND huyện U, thành phố H ra Quyết định số 36 thu hồi 1084m² đất hai lúa của gia đình ông để làm Dự án xây dựng Trung tâm dịch vụ Thương mại, nhà ở thị trấn V và bồi thường cho gia đình ông 79.964.084 đồng.

Sau khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ ông nhận thấy việc thu hồi đất và việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện U, thành phố H là không đúng Luật Đất đai 2003, Nghị định 181/CP, Nghị định số 197/CP năm 2004 và Nghị định 17/CP của Chính phủ nên ông đã cùng một số xã viên khác làm đơn kiến nghị đến UBND huyện U, thành phố H yêu cầu được bồi thường theo giá thỏa thuận hoặc được cấp đất dịch vụ 10% nhưng không được UBND huyện chấp nhận nêu tại văn bản số 155 ngày 23/4/2013. Không đồng ý với văn bản số 155, ông và các hộ tiếp tục có đơn khiếu nại. Ngày 28/8/2013, Chủ tịch UBND huyện U, thành phố H đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 708 có nội dung không chấp nhận việc đòi đất dịch vụ 10%, còn việc yêu cầu chủ đầu tư phải bồi thường theo giá thỏa thuận thì UBND huyện không nêu trong quyết định. Không đồng ý với Quyết định 708, ông và các hộ tiếp tục khiếu nại lên trên và được Chủ tịch UBND thành phố H giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 5375 ngày 20/10/2014 với nội dung giữ nguyên Quyết định số 708 của Chủ tịch UBND huyện U, thành phố H.

Các Quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên đều không đúng quy định, làm thiệt hại đến quyền lợi của các hộ xã viên có đất bị thu hồi. Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5375/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của Chủ tịch UBND TP H.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố H do ông Nguyễn Quốc H đại diện trình bày:

Ngày 01/12/2006, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 2112 V/v thu hồi đất nông nghiệp quỹ I (đất 2 lúa) của các hộ gia đình để thực hiện Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm Trung tâm dịch vụ thương mại và nhà ở thị trấn V. Tại Quyết định phê duyệt Phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng số 249 ngày 6/2/2007 của UBND tỉnh H không có nội dung giao 10% đất dịch vụ cho các hộ có đất nông nghiệp bị thu hồi nên Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ GPMB huyện U, thành phố H đã tổ chức chi trả các khoản kinh phí cho các hộ

theo đúng Phương án mà UBND tỉnh phê duyệt, các hộ đã nhận đủ tiền và đã bàn giao mặt bằng.

Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm Trung tâm dịch vụ thương mại và nhà ở thị trấn V, huyện U, thành phố H không phải là dự án lớn, không phải là dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh và dự án này được phê duyệt trước thời điểm Quyết định số 1098 ngày 28/6/2007 của UBND tỉnh H có hiệu lực. Vì vậy, khiếu nại của ông C và các xã viên đề nghị được giao đất dịch vụ 10% theo Nghị định số 17 của Chính phủ và Quyết định 1098 là không thể giải quyết được.

Căn cứ Luật đất đai 2003, các Quyết định số: 1537 ngày 25/10/2005; 289 ngày 20/2/2006; 1098 ngày 28/6/2007; 371 ngày 22/2/2008 của UBND tỉnh H (trước đây) và Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại số 1345 ngày 10/6/2014 của Thanh tra thành phố, ngày 20/10/2014 Chủ tịch UBND TP H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 5375 với nội dung giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 708 ngày 28/8/2013 của Chủ tịch UBND huyện U, thành phố H là đúng. Ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5375 là không có cơ sở, đại diện Chủ tịch UBND TP H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm:**

- UBND huyện U, thành phố H do bà Hoàng Thị V đại diện thống nhất với ý kiến và quan điểm của UBND thành phố H.
- Bà Lê Thị T và các anh/chị: Nguyễn Đức M, Nguyễn Thị T, Bùi Thị D thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Văn C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ý kiến đã trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử hủy Quyết định 5375 của Chủ tịch UBND thành phố H.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H. Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự và quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy:

Về tố tụng:

Ngày 20/10/2014, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 5375/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C và một số công dân thị trấn V, huyện U, thành phố H liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất. Không đồng ý với Quyết định 5375, ngày 12/5/2015 ông Nguyễn Văn C cùng các ông/bà: Bùi Tam Q, Doãn Ngọc C và Nguyễn Thị Minh K nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án (Đơn sửa đổi, bổ sung ngày 24/9/2016) là còn thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H quy định tại khoản 2 điều 3, khoản 3 điều 32 và điểm a khoản 2 điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Xét tính hợp pháp Quyết định số 5375/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố H (viết tắt là Quyết định 5375), Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

***Về thẩm quyền và thủ tục ban hành Quyết định 5375:**

Người khởi kiện không thắc mắc, khiếu kiện về thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành Quyết định 5375. Tuy nhiên, xem xét các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đối chiếu quy định của Luật Khiếu nại, HĐXX đủ căn cứ xác định Chủ tịch UBND thành phố H ban hành quyết định 5375 (quyết định giải quyết khiếu nại lần 2) là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

***Về nội dung Quyết định:**

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy: Ngày 01/12/2006, UBND tỉnh H (cũ) ban hành Quyết định số 2112 về việc thu hồi đất nông nghiệp quỹ 1 (đất 2 lúa) của các hộ dân để thực hiện Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm Trung tâm dịch vụ thương mại và nhà ở Thị trấn V. Việc UBND tỉnh H thu hồi đất của các hộ dân để thực hiện dự án nêu trên thuộc trường hợp thu hồi đất để sử dụng vào mục đích lợi ích công cộng. Theo đó, ngày 17/01/2007 UBND huyện U, thành phố H đã ra Quyết định số 36 V/v thu hồi 1084m² đất nông nghiệp do hộ ông Nguyễn Văn C đang sử dụng theo Giấy chứng nhận đã cấp năm 1999 là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38, điều 39 Luật Đất đai 2003 và điểm đ khoản 1 điều 36 Nghị định 181 ngày 29/10/2004 của Chính phủ. Thời điểm thực hiện giải phóng mặt bằng (năm 2007), UBND huyện U, thành phố H đã tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân có đất bị thu hồi (trong đó có hộ ông C) theo Phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ đã được UBND tỉnh H phê duyệt tại Quyết định số 249 ngày 06/2/2007. Tại Quyết định 249 của UBND tỉnh không có nội dung giao 10% đất dịch vụ cho các hộ, dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm Trung tâm dịch vụ thương mại và nhà ở Thị trấn V cũng không phải là dự án lớn, dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Ông C và một số xã viên khác khiếu nại Quyết định số 708 ngày 28/8/2013 của Chủ tịch UBND huyện U, thành phố H, yêu cầu được giao đất dịch vụ 10% theo Nghị định số 17/CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ và Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 28/6/2007 của UBND tỉnh H là không có căn cứ.

Về ý kiến của ông C đề nghị: Nếu không được giao đất dịch vụ 10% thì yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện dự án phải bồi thường cho người bị thu hồi đất theo giá thỏa thuận, HĐXX thấy:

Theo Quyết định số 1562 ngày 12/9/2006 của UBND tỉnh H phê duyệt Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án huyện U, thành phố H, đây là cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện U, thành phố H (cơ quan quản lý hành chính nhà nước) nên Dự án này không có tính chất thương mại. Ông C yêu cầu được bồi thường theo giá thỏa thuận là không có cơ sở.

Khiếu nại của ông C và một số công dân khác không được Chủ tịch UBND huyện U, thành phố H chấp nhận nêu tại Quyết định số 708 ngày 28/8/2013 là có căn cứ nên Quyết định giải quyết khiếu nại số 5375 của Chủ tịch UBND thành phố H có nội dung: Giữ nguyên nội dung Quyết định số 708 ngày 28/8/2013 của Chủ tịch UBND huyện U, thành phố H là không trái pháp luật.

Từ những phân tích và dẫn chiếu các căn cứ pháp luật như đã nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đề nghị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5375/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của Chủ tịch UBND thành phố H là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông C không được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 điều 30, khoản 3 điều 32, điểm a khoản 2 điều 116, điểm a khoản 2 điều 193, các điều 194, 204, 206 Luật Tổ tụng hành chính; Khoản 1 điều 38, điều 39 Luật Đất đai 2003 và điểm đ khoản 1 điều 36 Nghị định 181/CP ngày 29/10/2004; Điều 5, khoản 1 điều 10 Nghị định 197/CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đề nghị hủy Quyết định 5375/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C và một số công dân thị trấn V, huyện U, thành phố H.

2/ Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001576 ngày 29/12/2016 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3/ Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Các Hội thẩm nhân dân
Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa

